

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP
(Tính đến ngày 02/11/2019)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		12010	1631	13641
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Cao đẳng - Chuyên nghiệp				
1	16CD-ĐCN1	15	0	15
2	16CD-ĐCN2	17	0	17
3	16CD-ĐCN3	22	0	22
4	16CD-ĐCN4	16	0	16
5	16CD-ĐCN5	22	0	22
6	16CD-ĐTCN1	14	0	14
7	16CD-TĐH1	7	0	7
8	16CD-ĐL1	11	0	11
9	16CD-ĐL2	10	0	10
10	16CD-ĐL3	11	0	11
11	16CD-CD1	2	0	2
12	16CD-CĐT1	8	0	8
13	16CD-CNC1	2	0	2
14	16CD-CTM1	32	0	32
15	16CD-CTM2	26	0	26
16	16CD-CTM3	22	0	22
17	16CD-CTM4	19	0	19
18	16CD-CTM5	17	0	17
19	16CD-Ô1	8	0	8
20	16CD-Ô2	16	0	16
21	16CD-Ô3	5	0	5
22	16CD-Ô4	8	0	8
23	16CD-Ô5	24	0	24
24	16CD-Ô6	22	0	22
25	16CD-Ô7	16	0	16
26	16CD-Ô8	12	0	12
27	16CD-Ô9	16	0	16
28	16CD-Ô10	14	0	14
29	16CD-MTT1	2	1	3
30	16CD-MTT2	1	11	12
31	16CD-TP1	29	2	31
32	16CD-TM1	7	0	7
33	16CD-TM2	6	1	7
35	16CD-TW1	11	1	12
Khóa 2015CD (Nợ môn)		310	6	316
Tổng số		780	22	802

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	17C1-ĐCN1	45	0	45
2	17C1-ĐCN2	47	0	47
3	17C1-ĐCN3	34	0	34
4	17C1-ĐCN4	38	0	38
5	17C1-ĐĐT1	36	1	37
6	17C1-ĐĐT2	37	2	39
7	17C1-ĐĐT3	28	0	28
8	17C1-ĐĐT4	31	1	32
9	17C1-ĐTC1	20	0	20
10	17C1-CĐT1	45	0	45
11	17C1-TĐH1	39	0	39
12	17C1-KML1	35	1	36
13	17C1-KML2	23	0	23
14	17C1-VSL1	31	0	31
15	17C1-VSL2	34	0	34
16	17C1-CNL1	42	0	42
17	17C1-CCK1	39	1	40
18	17C1-CCK2	40	0	40
19	17C1-CCK3	39	0	39
20	17C1-CCK4	48	2	50
21	17C1-CCK5	30	0	30
22	17C1-CCK6	38	0	38
23	17C1-CCK7	43	0	43
24	17C1-CCK8	31	0	31
25	17C1-CTM1	36	0	36
26	17C1-CTM2	36	0	36
27	17C1-CKL1	10	0	10
28	17C1-BCN1	24	0	24
29	17C1-CNÔ1	48	0	48
30	17C1-CNÔ2	44	0	44
31	17C1-CNÔ3	47	0	47
32	17C1-CNÔ4	42	1	43
33	17C1-CNÔ5	38	0	38
34	17C1-CNÔ6	39	0	39
35	17C1-CNÔ7	41	4	45
36	17C1-CNÔ8	37	0	37
37	17C1-CNÔ9	39	0	39
38	17C1-CNÔ10	40	0	40
39	17C1-CNÔ11	37	0	37
40	17C1-CNÔ12	43	0	43
41	17C1-CNÔ13	38	1	39
42	17C1-CNÔ14	35	0	35
43	17C1-CNM1	2	32	34
44	17C1-CNM2	1	41	42
45	17C1-ANM1	17	0	17
46	17C1-CMT1	49	1	50
47	17C1-TKW1	15	1	16
48	17C1-THU1	16	1	17
49	17C1-LTM1	19	1	20

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
50	17C1-LTM2	26	3	29
51	17C1-QTM1	24	4	28
52	17C1-KTD1	11	34	45
53	17C1-QTD1	18	19	37
54	17C1-NNA1	9	27	36
Tổng số		1754	178	1932
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	18C1-ĐCN1	42	0	42
2	18C1-ĐCN2	47	0	47
3	18C1-ĐCN3	38	0	38
4	18C1-ĐCN4	47	0	47
5	18C1-ĐĐT1	38	0	38
6	18C1-ĐĐT2	37	1	38
7	18C1-ĐĐT3	51	0	51
8	18C1-TĐH1	64	0	64
9	18C1-CĐT1	65	1	66
10	18C1-KML1	45	0	45
11	18C1-KML2	38	0	38
12	18C1-VSL1	42	0	42
13	18C1-VSL2	38	0	38
14	18C1-VSL3	40	0	40
15	18C1-CNL1	56	0	56
16	18C1-CCK1	55	0	55
17	18C1-CCK2	55	0	55
18	18C1-CCK3	56	0	56
19	18C1-CCK4	55	1	56
20	18C1-CCK5	54	0	54
21	18C1-CCK6	54	0	54
22	18C1-CCK7	56	0	56
23	18C1-CTM1	57	1	58
24	18C1-CKL1	23	0	23
25	18C1-BCN1	21	0	21
26	18C1-CNÔ1	51	0	51
27	18C1-CNÔ2	46	0	46
28	18C1-CNÔ3	48	0	48
29	18C1-CNÔ4	52	0	52
30	18C1-CNÔ5	49	1	50
31	18C1-CNÔ6	45	0	45
32	18C1-CNÔ7	51	0	51
33	18C1-CNÔ8	51	0	51
34	18C1-CNÔ9	48	0	48
35	18C1-CNÔ10	52	0	52
36	18C1-CNÔ11	46	0	46
37	18C1-CNÔ12	56	0	56
38	18C1-CNÔ13	48	0	48
39	18C1-CNÔ14	47	1	48
40	18C1-CNÔ15	43	1	44
41	18C1-CNÔ16	45	0	45
42	18C1-CNÔ17	45	0	45

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
43	18C1-CNM1	5	55	60
44	18C1-CMT1	46	0	46
45	18C1-TKĐ1	46	7	53
46	18C1-TMD1	12	2	14
47	18C1-THU1	25	2	27
48	18C1-LTM1	37	1	38
49	18C1-LTM2	34	0	34
50	18C1-QTM1	34	4	38
51	18C1-KTD1	6	30	36
52	18C1-KTD2	3	37	40
53	18C1-QTD1	27	29	56
54	18C1-NNA1	28	26	54
55	18C1-KXD1	54	0	54
Tổng số		2354	200	2554
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	19C1-ĐCN1	58	0	58
2	19C1-ĐCN2	56	0	56
3	19C1-ĐCN3	36	0	36
4	19C1-ĐĐT1	55	2	57
5	19C1-ĐĐT2	56	0	56
6	19C1-ĐĐT3	45	2	47
7	19C1-CĐT1	50	1	51
8	19C1-TĐH1	63	1	64
9	19C1-KML1	57	0	57
10	19C1-KML2	34	1	35
11	19C1-VSL1	57	0	57
12	19C1-VSL2	56	0	56
13	19C1-LĐL1	28	0	28
14	19C1-CNL1	54	0	54
15	19C1-CCK1	53	1	54
16	19C1-CCK2	54	0	54
17	19C1-CCK3	52	0	52
18	19C1-CCK4	50	0	50
19	19C1-CCK5	57	0	57
20	19C1-CCK6	52	0	52
21	19C1-CTM1	63	0	63
22	19C1-BCN1	35	0	35
23	19C1-CNÔ1	56	1	57
24	19C1-CNÔ2	50	0	50
25	19C1-CNÔ3	52	0	52
26	19C1-CNÔ4	54	0	54
27	19C1-CNÔ5	58	0	58
28	19C1-CNÔ6	52	0	52
29	19C1-CNÔ7	52	0	52
30	19C1-CNÔ8	52	0	52
31	19C1-CNÔ9	48	1	49
32	19C1-CNM1	6	36	42
33	19C1-CNÔ10	54	0	54
34	19C1-CNÔ11	54	0	54

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
35	19C1-CNÔ12	54	0	54
36	19C1-CNÔ13	54	0	54
37	19C1-CNÔ14	56	0	56
38	19C1-CNÔ15	35	0	35
39	19C1-ANM1	17	2	19
40	19C1-CMT1	49	0	49
41	19C1-TKW1	30	3	33
42	19C1-TKĐ1	49	10	59
43	19C1-TKĐ2	41	4	45
44	19C1-LTM1	65	0	65
45	19C1-QTM1	46	2	48
46	19C1-LGT1	21	6	27
47	19C1-KTD1	22	57	79
48	19C1-QTD1	48	31	79
49	19C1-NNA1	38	31	69
50	19C1-KXD1	31	0	31
Tổng số		2365	192	2557
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	31	0	31
2	19C3-CNÔ1	31	0	31
3	19C3-CNÔ2	32	0	32
Tổng số		94	0	94
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2019				
Cao đẳng - (TĐQT) - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	18	0	18
Tổng số		18	0	18
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2020				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	18C2-ĐĐT1	71	0	71
2	18C2-CNÔ1	41	0	41
3	18C2-QTM1	41	2	43
4	18C2-CNL1	17	0	17
	18C2-KTD1	3	10	13
5	18C2-CCK1	16	0	16
	18C2-CNM1	1	7	8
	Khóa 2015CDLT, 2017C2 (Nợ môn)	18	0	18
Tổng số		208	19	227
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	19C2-ĐĐT1	34	0	34
	19C2-ĐĐT2	47	0	47
2	19C2-CCK1	33	0	33
	19C2-CCK2	10	0	10
	19C2-CNL1	15	0	15
	19C2-CNL2	18	0	18
3	19C2-CNÔ1	33	0	33
	19C2-CNÔ2	41	0	41

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
4	19C2-QTM1	33	1	34
	19C2-QTM2	36	9	45
5	19C2-KTD1	0	18	18
	19C2-KTD2	0	1	1
	19C2-QTD1	3	11	14
	19C2-QTD2	1	5	6
	19C2-CNM1	1	6	7
	19C2-CNM2	3	9	12
Tổng số		308	60	368
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	16CĐN-Ô1	23	0	23
2	16CĐN-QTD	1	6	7
	Khóa 2015CĐN (Nợ môn)	12	1	13
Tổng số		36	7	43
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2018				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp_2N3				
	Khóa 2014TC Trung cấp (Nợ môn)	61	3	64
	Khóa 2015TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	48	0	48
1	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	74	2	76
Tổng số		183	5	188
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	16TC-Ô1	22	0	22
2	16TC-MTT	1	15	16
3	16TC-QTM	15	1	16
	Khóa 2015TC (Nợ môn)	19	0	19
Tổng số		57	16	73
Khóa: 2016 Niên khóa: 2016-2019				
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	16TCN-Đ	23	0	23
2	16TCN-ĐT	21	0	21
3	16TCN-LĐL1	28	0	28
4	16TCN-CKL	15	0	15
5	16TCN-Ô1	40	0	40
6	16TCN-QTM1	28	2	30
7	16TCN-KTD	0	6	6
8	16TCN-QTD	3	12	15
	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	114	22	136
Tổng số		272	42	314
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2020				
Trung cấp - (Tin chỉ) - Chính quy 1N3				
1	18T2-CNÔ1	44	2	46
	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	42	2	44
Tổng số		86	4	90

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	19T2-ĐCN1	36	0	36
2	19T2-CCK1	26	0	26
3	19T2-CNÔ1	64	0	64
4	19T2-QTM1	47	8	55
Tổng số		173	8	181
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	17T4-ĐCN1	46	0	46
2	17T4-ĐĐT1	34	1	35
3	17T4-ĐTC1	14	1	15
4	17T4-LĐL1	49	0	49
5	17T4-CNL1	36	0	36
6	17T4-CCK1	58	0	58
7	17T4-CKL1	14	0	14
8	17T4-CNÔ1	54	0	54
9	17T4-CNÔ2	36	0	36
10	17T4-CNÔ3	38	0	38
11	17T4-CNM1	5	28	33
12	17T4-CMT1	20	0	20
13	17T4-TKW1	21	0	21
14	17T4-THU1	34	14	48
15	17T4-LTM1	29	2	31
16	17T4-QTM1	41	3	44
17	17T4-KTD1	5	31	36
18	17T4-QTD1	27	20	47
19	17T4-NNA1	24	33	57
Tổng số		585	133	718
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm(Buổi tối)				
1	18T4-ĐCN1	55	0	55
2	18T4-ĐĐT1	42	0	42
3	18T4-CĐT1	41	0	41
4	18T4-KML1	38	0	38
5	18T4-VSL1	45	0	45
6	18T4-VSL2	46	0	46
7	18T4-CCK1	60	0	60
8	18T4-CKC1	29	0	29
9	18T4-CNÔ1	44	1	45
10	18T4-CNÔ2	47	0	47
11	18T4-CNÔ3	46	0	46
12	18T4-CNÔ4	46	0	46
13	18T4-CNÔ5	45	0	45
14	18T4-CNM1	7	39	46
15	18T4-ANM1	34	3	37
16	18T4-CMT1	52	0	52
17	18T4-TKW1	27	5	32
18	18T4-TKĐ1	31	12	43
19	18T4-TKĐ2	25	8	33

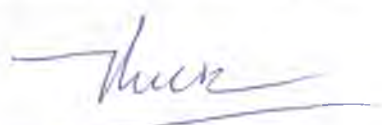
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
20	18T4-THU1	37	12	49
21	18T4-LTM1	35	1	36
22	18T4-LTM2	27	4	31
23	18T4-QTM1	46	1	47
24	18T4-TCD1	7	9	16
25	18T4-KTD1	9	42	51
26	18T4-QTD1	12	25	37
27	18T4-QTD2	13	24	37
28	18T4-NNA1	19	25	44
29	18T4-NNA2	13	31	44
30	18T4-NNA3	17	22	39
31	18T4-KXD1	21	0	21
Tổng số		1016	264	1280
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	19T4-ĐCN1	43	0	43
2	19T4-ĐCN2	42	0	42
3	19T4-ĐĐT1	39	0	39
4	19T4-ĐĐT2	32	1	33
5	19T4-CĐT1	45	0	45
6	19T4-KML1	63	0	63
7	19T4-LDL1	57	0	57
8	19T4-VSL1	38	0	38
9	19T4-VSL2	38	0	38
10	19T4-CCK1	66	0	66
11	19T4-CKC1	58	0	58
12	19T4-CKC2	33	0	33
13	19T4-CNÔ1	63	0	63
14	19T4-CNÔ2	63	0	63
15	19T4-CNÔ3	61	0	61
16	19T4-CNÔ4	63	0	63
17	19T4-CNÔ5	63	0	63
18	19T4-CNM1	5	53	58
19	19T4-ANM1	36	2	38
20	19T4-ANM2	31	3	34
21	19T4-CMT1	57	1	58
22	19T4-CMT2	35	2	37
23	19T4-TKW1	50	11	61
24	19T4-TMĐ1	14	13	27
25	19T4-TKĐ1	45	20	65
26	19T4-TKĐ2	39	27	66
27	19T4-THU1	41	16	57
28	19T4-LTM1	56	6	62
29	19T4-LTM2	59	3	62
30	19T4-QTM1	57	4	61
31	19T4-LGT1	22	11	33
32	19T4-TCD1	22	20	42
33	19T4-KTD1	5	54	59
34	19T4-KTD2	19	37	56
35	19T4-QTD1	26	37	63
36	19T4-NNA1	23	37	60

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
37	19T4-NNA2	17	40	57
38	19T4-NNA3	26	32	58
39	19T4-KXD1	35	2	37
Tổng số		1587	432	2019
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2019				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N; 1N3; 3N(Buổi tối)				
1	18T5-ĐCN1	22	1	23
2	18T6-ĐCN1	11	1	12
3	18T7-ĐCN1	37	2	39
Tổng số		70	4	74
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	19T5-THU1	33	20	53
2	19T5-THU2	31	25	56
Tổng số		64	45	109

1 Cao đẳng	7845	
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	94	
3 Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	18	
4 Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	595	
5 Cao đẳng nghề (12+3)	43	
6 Trung cấp chuyên nghiệp (12+2) & 2N3	188	
7 Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	73	
8 Trung cấp nghề (9+4)	314	
9 Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	271	
10 Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	4017	
11 Trung cấp - (Tín chỉ) - LKĐT (Buổi tối)	183	
TỔNG CỘNG =	13641	272 Lớp

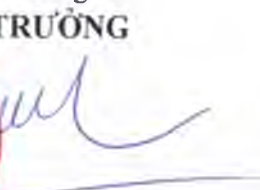
Trong đó:Tuyển mới 2019-2020 =	5346	
1 Cao đẳng	2557	
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	94	
3 Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	18	
4 Cao đẳng Liên thông	368	
5 Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	2019	
6 Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	181	
7 Trung cấp - (Tín chỉ) - LKĐT (Buổi tối)	109	

TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV


Lê Xuân Thiện

TP. HCM, ngày 04 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Hữu Lộc